

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/8/2020.

*“V/v Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con giữa chị A và anh C”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Mên

Ông Lê Văn Đáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 321/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26/6/2020 về việc *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐST-HN, ngày 03/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị A, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ C, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Con chung của của chị A và anh C tên Nguyễn Thị D T, sinh năm 30/5/2008. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lâm Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Vũ C do quen biết và tìm hiểu năm 2007 xác lập quan hệ hôn nhân đến năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V K, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, thời gian chung sống chị và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Thị D T, sinh năm 30/5/2008 và Nguyễn Vũ L, sinh ngày 07/7/2015 hiện đang sống với anh C, chị A cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh C thường hay uống rượu không làm ăn, vợ chồng cãi nhau thường xuyên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân ba tháng nay nên tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nay chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Vũ C.

Về nuôi con tên: Nguyễn Thị D T, sinh năm 30/5/2008 và Nguyễn Vũ L, sinh ngày 07/7/2015 anh C đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị A không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị A không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Vũ C trình bày:

Về xác lập quan hệ hôn nhân, về kết hôn, về con chung chị A trình bày là đúng. Về tài sản chung anh không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả không tranh chấp, không yêu cầu. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng cãi nhau và ly thân 03 tháng nay, từ khi ly thân cho đến nay mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau, mọi nhu cầu thiết yếu hàng ngày mỗi người tự lo liệu để sinh sống.

Nay anh xét thấy còn thương vợ con và mong muốn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, trường hợp chị A cương quyết ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai con Nguyễn Thị D T, sinh năm 30/5/2008 và Nguyễn Vũ L, sinh ngày 07/7/2015 và anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung của vợ chồng anh không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh C, về con chung giao cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng, anh C không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ngoài ra về tài sản, về số nợ phải thu, phải trả chung do chị A và anh C không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, án phí chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Vũ C có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị Lâm Thị A khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Vũ C và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị A và anh Nguyễn Vũ C xác lập quan hệ hôn nhân năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị A và anh C là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị A và anh C tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị A và anh C đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, một năm nay anh chị ly thân nhưng anh chị cũng không quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tòa án đã hòa giải hai lần đề hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị A và anh C không đoàn tụ được mạnh ai nấy sống không còn quan tâm với nhau, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A xin được ly hôn với anh C là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu đơn khởi kiện của chị A, xử cho chị A và anh C được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Xét thấy cháu Nguyễn Thị D T, sinh năm 30/5/2008 và Nguyễn Vũ L, sinh ngày 07/7/2015 là con của chị A và anh C, trong thời gian vợ chồng ly thân đến nay cháu Nguyễn Thị D T, sinh năm 30/5/2008 và Nguyễn Vũ L, sinh ngày 07/7/2015 sống với anh C, được anh C nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị D T được sống chung với anh C. Tại phiên tòa anh C xin được quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp, để cháu Nguyễn Thị DT và Nguyễn Vũ L có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu L cho anh C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng anh C không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị A và anh C không khởi kiện, không tranh chấp. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị A và anh C khai không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị A phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 217, 218, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị A.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lâm Thị A và anh Nguyễn Vũ C được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Giao con chung tên Nguyễn Thị D T, sinh năm 30/5/2008 và Nguyễn Vũ L, sinh ngày 07/7/2015 cho anh Nguyễn Vũ C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị Lâm Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng anh C không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị A và anh C không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị A và anh C không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lâm Thị A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0009515, ngày 25/6/2020 do chị A nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, chị Lâm Thị A đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã VK
- huyện C N, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tranh